

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số:11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-3-2019

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Việt

2. Ông Ngô rô Be

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang: không tham gia phiên tòa:

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “ *Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2019 ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Kim P, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 162, tổ 5, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 539, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Kim P trình bày:

Chị P và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, số 31/2015, quyển số: 02/2014. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 07 tháng, mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống không thể hòa giải. Chị P xét thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị P và anh T ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hà Khánh B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016, hiện nay cháu Khánh B đang ở với chị P. chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị P yêu cầu nuôi con Nguyễn Hà Khánh B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Qua lời trình bày của chị Hà Thị Kim P về năm chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, quá trình chung sống vợ chồng không tạo dựng được tài sản chung. Không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng: Do anh và chị P bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc làm ăn không được suông sẻ. Vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay.

Tại phiên Tòa anh T có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú số nhà 539, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Kim P và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, số 31/2015, quyền số: 02/2014 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị P thấy rằng sau khi kết hôn, chị P và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 9 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp. Chị P và anh T đã ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho

đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hiện được tình nghĩa vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau;.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,....”.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ cho anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T điều vắng mặt không có lý do. Đến ngày 11 tháng 3 năm 2019 anh T có đơn xin tạm ngừng phiên Tòa để anh và chị P tự hòa giải. Tòa án tiến hành hòa giải động viên chị P trở về đoàn tụ tiếp tục cuộc sống vợ chồng để nuôi dạy con chung. Nhưng chị P cương quyết xin ly hôn nên việc hòa giải không mang lại kết quả.

Đối với yêu cầu của anh T không đồng ý ly hôn với chị P mà xin được đoàn tụ, xét yêu cầu của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến đời sống của ai, anh T và gia đình nhiều lần động viên chị P trở về đoàn tụ, tiếp tục cuộc sống hôn nhân và nuôi dạy con chung, nhưng không được chị P chấp nhận. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị P và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định “ Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn....”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phụng.

[3] Về con chung: Anh T, chị P xác nhận vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Hà Khánh B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị P là có cơ sở chấp nhận, bởi vì chị P có công việc ổn định thu nhập bình quân hàng tháng trên 6.000.000đ. Từ nhỏ cho đến nay cháu B ở với chị P tâm sinh lý phát triển ổn định, hiện nay cháu B vừa tròn 37 tháng tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Để tránh sự xáo trộn về mặt tâm sinh lý của cháu B. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị P.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của anh T Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T không có công việc ổn định, anh đi thổi kèn tây và thường xuyên vắng nhà, không có thời gian chăm sóc cho cháu B. Nên yêu cầu xin được nuôi con của anh T không có cơ sở chấp nhận. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hà Khánh B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con anh T, chị P không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi

người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Kim P phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Kim P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Kim P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Hà Khánh B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2016 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời anh T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật

Về cấp dưỡng nuôi con anh T, chị P không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Thị Kim P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005274 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị P đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Kim P, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- UBND xã Thạnh Đông A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ